

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bình.

Bà Dương Thị Phường.

- Thư ký phiên tòa: Ông CLâu Thìn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Y Hương, Kiểm sát viên.

Hội 08 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22/12/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị BT, sinh năm 1995.

Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã HS, thành phố ĐN; hiện trú tại: thôn DD, xã HS, thành phố ĐN; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông ZN - Trợ giúp viên pháp lý; địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: anh ZB, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn A, xã HS, thành phố ĐN; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2025, các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông ZN trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị BT và anh ZB kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã GR, huyện TG, tỉnh QN cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã HS, thành phố ĐN. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở thôn A, xã HS, thành phố ĐN. Trong quá trình chung sống anh, chị không hạnh phúc. Nguyên nhân không hạnh phúc là do chị BT và anh ZB không hòa hợp, không có tình cảm với nhau ngay

từ khi mới cưới. Anh ZB thường ngủ riêng, đi làm riêng, không quan tâm gì đến chị BT. Hàng ngày chị BT thường đi làm rầy chung với cha mẹ chồng. Trong cuộc sống anh ZB chưa bao giờ chia sẻ, giúp đỡ chị BT. Lúc ốm đau nằm viện chồng không quan tâm thăm nom, chăm sóc, chị BT phải nhờ anh em ruột của mình giúp đỡ. Trước đây chị đã từng làm đơn xin ly hôn với anh ZB tại TAND huyện Tây Giang cũ, qua nhiều lần Tòa án hòa giải, vì hi vọng anh ZB sẽ thay đổi để đoàn tụ vợ chồng nên chị đã rút đơn khởi kiện. Sau khi Tòa án đình chỉ vụ án anh ZB vẫn không thay đổi, tính tình vẫn như trước đây. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên từ ngày 30/4/2025 anh, chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Chị BT xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh ZB.

Về con chung: Chị BT và anh ZB không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị BT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh ZB:* Anh ZB có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã HS, thành phố ĐN. Theo kết quả xác minh tại Công an xã Hùng Sơn thì anh ZB vẫn còn cư trú và sinh sống tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh ZB không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 24/4/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai này. Do đó, việc lấy lời khai của anh ZB và hòa giải không thực hiện được.

Qua xác minh tại UBND xã Hùng Sơn, cho thấy: Người có tên “*Bríu BT, sinh năm 1995*” trong Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017 do UBND xã Gari (nay là xã Hùng Sơn) cấp ngày 18/7/2017 và tên “*BT, sinh năm 1995*” trong Căn cước công dân cấp ngày 11/11/2022 là cùng một người. Trong quá trình chung sống, giữa anh ZB và chị BT có xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách anh chị không hợp nhau. Từ tháng 4 năm 2025, chị BT về sinh sống tại nhà mẹ ruột ở thôn DD, xã HS, thành phố ĐN, còn anh ZB tiếp tục sống tại nhà cha mẹ ở thôn Ating, xã Hùng Sơn. Chị BT và anh ZB không có con chung.

* *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chị BT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh ZB trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh ZB vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị BT được ly hôn với anh ZB.

- Về quan hệ con chung: Chị BT và anh ZB không có con chung nên không đề nghị xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị BT không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị BT có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh ZB. Anh ZB có nơi cư trú tại xã HS, thành phố ĐN. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị BT và anh ZB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GR, huyện TG, tỉnh QN cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã HS, thành phố ĐN, nên quan hệ hôn nhân giữa chị BT và anh ZB là hợp pháp.

Người có tên "B, sinh năm 1995" trong Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017 do UBND xã GR (nay là xã HS) cấp ngày 18/7/2017 và tên "BT, sinh năm 1995" trong Căn cước công dân cấp ngày 11/11/2022 là cùng một người và chính là chị BT nguyên đơn của vụ án. Trong quá trình chung sống vợ, chồng giữa chị BT và anh ZB có mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị BT và anh ZB không hòa hợp, không có tình cảm với nhau ngay từ khi mới cưới. Anh ZB thường đi làm riêng, không quan tâm gì đến chị BT. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không hàn gắn được.

Chị BT và anh ZB bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 4 năm 2025 đến nay. Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh ZB không có thiện chí trong việc tham gia hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị BT và anh ZB lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho chị BT được ly hôn với anh ZB là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Chị BT và anh ZB không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị BT không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Sau này nếu anh ZB hoặc chị BT có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Năm 2026, hộ anh ZB thuộc hộ nghèo nên chị BT được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị BT về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh ZB.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị BT được ly hôn với anh ZB.
2. Về con chung: Chị BT và anh ZB không có con chung.
3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị BT không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị BT được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/5/2026). Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- UBND xã Hùng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mạc Văn Hình



